

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH H
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST

Ngày: 17 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH H, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bé.
- Ông Lê Văn Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Kim Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Th H, tỉnh Long An.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Th H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Kim Y, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Thanh Hóa, Huyện Th H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thanh Hóa, Huyện Th H, tỉnh Long An. (Có mặt)

3. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Công L, sinh năm 1976 (Có mặt)

Bà Huỳnh Thị Kim C; sinh năm 1980; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Thủy Tây, Huyện Th H, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Ng trình bày:

Ông L có vay tiền của Bà Y nhiều lần, không nhớ rõ số tiền cụ thể mỗi lần vay là bao nhiêu, hai bên không lập giấy nợ.

Đến ngày 01/12/2022AL (Ngày 23/12/2022DL), Bà Y và ông L có ký giấy nợ thống nhất số tiền nợ vay là 36.000.000 đồng. Hai bên thống nhất và ghi nhận trong giấy nợ về thời hạn trả nợ là vào ngày 01/02/2023 (DL), mục đích vay là để mua sắm; không ghi nhận mức lãi suất khi vay và không có thỏa thuận khác.

Đến thời hạn trả nợ thì ông L chỉ trả được số tiền 4.000.000 đồng nợ gốc và ngưng không tiếp tục trả dù Bà Y đã yêu cầu nhiều lần.

Nay, Bà Y khởi kiện yêu cầu ông L và Bà Ch có trách nhiệm liên đới phải trả tổng số tiền là 34.800.000 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 32.000.000 đồng, số tiền lãi tính từ ngày 01/02/2023 đến ngày 16/11/2023 (09 tháng) với mức lãi suất 1%/tháng là 2.880.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu về lãi chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn với mức lãi suất là 0.83%/tháng tính kể từ ngày 02/02/2023 đến khi xét xử sơ thẩm đối với số nợ gốc là 32.000.000đ.

**Bị đơn – ông Huỳnh Công L trình bày:*

Ngày 08/9/2022, ông L có vay của Bà Y số tiền gốc 30.000.000 đồng dùng mua vật tư (Nhôm, sắt...) để phục vụ cho công việc cá nhân. Khi vay, hai bên không lập giấy nợ, có thỏa thuận tiền lãi phải trả là 6.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ.

Ngày 01/12/2022AL (Ngày 23/12/2022DL), ông L và Bà Y có thống nhất ký giấy nợ với số tiền 36.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là vào ngày 01/02/2023DL, không ghi nhận mức lãi suất. Tuy nhiên, số tiền nợ gốc mà ông L vay của Bà Y chỉ có 30.000.000 đồng; đối với số tiền 6.000.000 đồng còn lại là số tiền lãi do Bà Y cộng gộp vào số tiền nợ gốc ban đầu.

Kể từ ngày vay cho đến nay thì ông L đã trả cho Bà Y số tiền lãi khoảng là 9.500.000 đồng, không lập biên bản giao nhận tiền.

Ông L thừa nhận ông có ký tên, ghi rõ họ tên xác nhận vào giấy nợ.

Nay, Bà Y khởi kiện yêu cầu ông L và Bà Ch có trách nhiệm liên đới phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi là 34.800.000 đồng thì ông L không đồng ý. Ông L chỉ đồng ý trả cho Bà Y số tiền 26.500.000 đồng (Khấu trừ số tiền lãi 3.500.000 đồng đã trả của nợ gốc là 30.000.000 đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (thời gian bắt đầu trả dần từ tháng 3/2024) và không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa ông L chỉ thừa nhận mình nợ Bà Y số tiền nợ gốc là 30.000.000đ, đã trả được 4.000.000đ còn nợ lại 26.000.000đ và đồng ý trả số tiền trên mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết nợ và không đồng ý trả lãi.

Ông L không đồng ý cùng Bà Ch liên đới trả nợ vì số tiền này Bà Ch không biết và mục đích sử dụng tiền là để phục vụ cho công việc cá nhân của ông là vật liệu làm nghề sắt không làm ăn kinh tế chung cho gia đình.

**Bị đơn – bà Huỳnh Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng Bà Ch có ý kiến trình bày như sau:*

Bà Ch xác định việc ông L vay tiền của Bà Y không biết và số tiền ông L vay không được sử dụng vào việc làm ăn, chi tiêu chung cho gia đình mà dùng vào việc cá nhân của ông L.

Giấy nợ là do ông L đơn phương ký với Bà Y, Bà Ch không ký xác nhận nợ.

Nay, Bà Y khởi kiện yêu cầu ông L và Bà Ch có trách nhiệm liên đới phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi là 34.800.000 đồng thì Bà Ch không đồng ý. Bà Ch xác định không vay tiền của Bà Y và không có trách nhiệm liên đới cùng ông L phải trả số tiền nợ này.

Bà Ch chỉ thống nhất số tiền nợ gốc mà ông L vay của Bà Y là 30.000.000 đồng và thống nhất với việc ông L yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (thời gian bắt đầu trả dần từ tháng 3/2024) và không đồng ý trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị Kim Y khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Huỳnh Công L và bà Huỳnh Thị Kim C. Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ tại Huyện Th H, tỉnh Long An. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Huyện Th H.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Công L thừa nhận có vay Bà Ch số tiền là 30.000.000đ và có ký vào giấy nợ với số tiền là 36.000.000đ (trong đó, gốc là 30.000.000đ và tiền lãi là 6.000.000đ) nhưng ông không có chứng cứ chứng minh và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không thừa nhận 6.000.000đ trong giấy nợ là tiền lãi. Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì có đủ căn cứ chứng minh giữa Bà Y và ông L có phát sinh hợp đồng vay tài sản có thời hạn với số tiền nợ là 36.000.000đ quá trình vay nợ bị đơn đã trả được 4.000.000đ tiền gốc còn nợ là 32.000.000đ nên việc buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn với số nợ gốc là 32.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Đối với yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim C liên đới cùng ông L trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông L trình bày mình vay tiền Bà Y để mua vật tư làm sắt là nghề kiến tiền cho bản thân, đôi khi có trợ giúp cho nhà, ông và Bà Ch hiện là vợ chồng. Đồng thời, Bà Ch có ý kiến trình bày chỉ thống nhất số tiền nợ gốc mà ông L vay của Bà Y là 30.000.000 đồng như vậy chứng tỏ Bà Ch biết được ông L vay nợ Bà Y. Từ những căn cứ trên chứng minh được khoản nợ này vay vì mục đích kinh tế gia đình nên là nợ chung của ông L và Bà Ch nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu liên đới của buộc Bà Ch liên đới cùng ông L trả nợ cho Bà Y là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu ông L và Bà Ch phải trả tiền lãi chậm trả từ 02/02/2023 cho đến khi xét xử với mức lãi suất là theo quy định pháp luật là 0,83%/ tháng cho đến ngày xét xử. Bị đơn ông L không đồng ý chỉ chấp nhận trả gốc là 30.000.000đ vì đã trả lãi nhiều lần nhưng không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi này. Nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự, bên vay chưa trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả lãi với mức lãi suất quy định là 0,83%/tháng trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nên yêu cầu trả lãi của nguyên đơn Bà Y có căn cứ chấp nhận cụ thể như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 02/02/2023 cho đến ngày 17/5/2024 là 15 tháng 15 ngày. Nguyên đơn đề nghị làm tròn là 15 tháng. Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu về thời gian tính lãi này nên tiền lãi bị đơn phải trả là: 15 tháng x 32.000.000đ x 0,83%/tháng = 3.984.000đ.

Như vậy, tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả là: 32.000.000đ + 3.984.000đ = 35.984.000đ

[4] Phương thức trả nợ: Bà Y yêu cầu ông L và Bà Ch phải trả một lần số tiền gốc và lãi còn nợ. Ông L xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ nhưng Bà Y đồng ý nên đề nghị trả dần của ông L không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim Y được chấp nhận được chấp nhận toàn bộ nên Bà Y không phải nộp án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Bà Y. Ông Huỳnh Công L và bà Huỳnh Thị Kim C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim Y.

Buộc ông Huỳnh Công L và bà Huỳnh Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Kim Y nợ gốc và lãi là 35.984.000đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Công L và bà Huỳnh Thị Kim C phải chịu 1.799.000đ (Một triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Ngô Thị Kim Y không phải nộp án phí. Hoàn trả cho Bà Y 870.000đ (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo lai thu số 0003764 ngày 03/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Th H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương

